

CHƯƠNG TRÌNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị
về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo
và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bình Phước ban hành Chương trình hành động như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra trong Nghị quyết số 57-NQ/TW.
- Xác định nhiệm vụ cụ thể, phù hợp tình hình thực tiễn địa phương để các cấp ủy đảng chỉ đạo, xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; hiện thực hóa mục tiêu đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia là đột phá quan trọng hàng đầu, là động lực chính để phát triển nhanh lực lượng sản xuất hiện đại, hoàn thiện quan hệ sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội, ngăn chặn nguy cơ tụt hậu, đưa tỉnh Bình Phước phát triển bứt phá, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến năm 2030

- Tiềm lực, trình độ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được nâng lên mức khá so với các tỉnh/thành phố trong vùng; năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức khá của quốc gia.
- Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số (DTI) thuộc nhóm 05 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước.
- Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) thuộc nhóm 25 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước.
- Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt từ 45% trở lên. Quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 30% GRDP.
- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt trên 90%. Trên 90% người dân tiếp cận được thông tin y tế, sức khỏe và khám bệnh từ xa. Tỷ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo đạt trên 40% trong tổng số

doanh nghiệp. Phần đầu có ít nhất 01 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh trong vùng.

- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người, đóng góp vào chỉ số phát triển con người Việt Nam (HDI) duy trì trên 0,7.

- Kinh phí chi cho nghiên cứu phát triển (R&D) từ 1,5% GRDP trở lên (trong đó, ngoài ngân sách từ 60% trở lên); chủ động đăng ký, đề xuất với Trung ương bố trí ngân sách bảo đảm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh; đồng thời, bố trí kinh phí không thấp hơn số kinh phí Trung ương giao cho địa phương hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tăng dần theo yêu cầu phát triển của tỉnh. Hệ thống tổ chức khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo được sắp xếp lại bảo đảm hiệu lực, hiệu quả, gắn kết chặt chẽ giữa nghiên cứu - ứng dụng - đào tạo.

- Số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế tăng trung bình 10%/năm.

- Quản lý nhà nước từ tỉnh đến cơ sở trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu ngành của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia. Phần đầu tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu trong cả nước về an toàn, an ninh không gian mạng; an ninh và bảo vệ dữ liệu.

- Hạ tầng công nghệ số tiên tiến, hiện đại, dung lượng siêu lớn, băng thông siêu rộng thuộc nhóm dẫn đầu các tỉnh, thành phố trong cả nước. Phủ sóng 5G toàn tỉnh. Trung tâm dữ liệu tỉnh đạt tiêu chuẩn Trung tâm dữ liệu điện toán đám mây, được triển khai kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm dữ liệu quốc gia.

- Phát triển đạt tối thiểu 80% công dân số. Triển khai các giải pháp phục vụ xây dựng và phát triển đô thị thông minh đối với 01 - 02 thành phố, thị xã đủ điều kiện trên địa bàn tỉnh.

- 100% khu công nghiệp, các dự án đầu tư công được đầu tư, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số; thực hiện đầu tư đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, công nghệ ngay khi lập dự án.

2.2. Tầm nhìn đến năm 2045

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phát triển vững chắc, góp phần đưa Bình Phước trở thành tỉnh có nền kinh tế đa dạng và thịnh vượng; phát triển đạt mức khá so với các địa phương trong cả nước; chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương được cải thiện, nâng lên mức khá. Bình Phước có quy mô kinh tế số đạt tối thiểu 50% GRDP. Thuộc nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu trong cả nước về đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. Tỷ lệ doanh nghiệp công nghệ số tương đương các tỉnh trong vùng. Thu hút tổ chức, doanh nghiệp mạnh về công nghệ số đầu tư nghiên cứu, sản xuất tại tỉnh. Có ít nhất 02 doanh nghiệp công nghệ số ngang tầm các tỉnh trong vùng, khu vực.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

1.1. Xây dựng và tổ chức triển khai chương trình tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng: Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua báo chí, phát thanh, truyền hình, các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử hợp pháp khác; cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng là người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp; kế hoạch tuyên truyền phải có mục tiêu, tiêu chí đánh giá cụ thể, định kỳ đo lường và công bố kết quả.

1.2. Theo dõi, cập nhật các quy định do Trung ương ban hành để triển khai tại địa phương quy định về: Trách nhiệm người đứng đầu, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; trách nhiệm xây dựng, ban hành chương trình, kế hoạch, đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị, tổ chức. Người đứng đầu cấp ủy, các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp phụ trách, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra; giao trách nhiệm; xây dựng bộ tiêu chí đánh giá. Định kỳ đánh giá, công bố mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức; kết quả thực hiện chuyển đổi số là tiêu chí đánh giá hiệu quả việc thực hiện nhiệm vụ, đánh giá thi đua, khen thưởng hằng năm.

1.3. Bố trí phù hợp số lượng cán bộ có trình độ chuyên môn khoa học kỹ thuật trong cấp ủy các cấp. Phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

1.4. Tổ chức triển khai sâu rộng, đạt hiệu quả cao phong trào “*học tập số*”, phổ cập, nâng cao kiến thức khoa học, công nghệ, kiến thức số trong cán bộ, công chức và Nhân dân; các phong trào khởi nghiệp, sáng tạo, cải tiến nâng cao hiệu quả công việc, năng suất lao động, khơi dậy tinh thần tự chủ, tự tin, tự lực, tự cường, tự hào dân tộc, phát huy trí tuệ Việt Nam thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh.

2. Khẩn trương, quyết liệt cập nhật các văn bản, hoàn thiện các quy định của tỉnh; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa cải cách hành chính, cắt giảm thủ tục hành chính thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Rà soát và chủ động đề xuất với Trung ương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học,

công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ. Đồng thời theo dõi sát, nắm bắt tình hình, cập nhật kịp thời các văn bản mới của Trung ương để chủ động, khẩn trương cụ thể hóa, triển khai kịp thời tại địa phương các cơ chế, chính sách tháo gỡ ngay sau khi được các cơ quan Trung ương ban hành.

2.2. Triển khai thực hiện thí điểm tại tỉnh sau khi Nhà nước ban hành cơ chế thí điểm để doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới có sự giám sát của Nhà nước; có chính sách miễn trừ trách nhiệm đối với doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong trường hợp thử nghiệm công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới mà có thiệt hại về kinh tế do nguyên nhân khách quan.

2.3. Thực hiện nghiêm, khẩn trương theo tiến độ những nhiệm vụ theo thẩm quyền của tỉnh trong việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước tại địa phương để bảo đảm thống nhất, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.4. Triển khai kịp thời cơ chế, chính sách do Trung ương ban hành về hỗ trợ, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và công nghệ công lập hoạt động hiệu quả; giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tổ chức, cán bộ, tài chính, chuyên môn; được sử dụng ngân sách nhà nước thuê chuyên gia, sử dụng tài sản hữu hình và trí tuệ để liên kết, hợp tác khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp; cơ chế cho phép và khuyến khích các tổ chức nghiên cứu, nhà khoa học thành lập và tham gia điều hành doanh nghiệp dựa trên kết quả nghiên cứu.

2.5. Thu hút, sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của tỉnh. Cơ cấu lại nguồn ngân sách chi sự nghiệp khoa học và công nghệ bảo đảm tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải. Vận dụng phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh để thực hiện hiệu quả cơ chế, chính sách khuyến khích mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hóa là kết quả nghiên cứu khoa học do doanh nghiệp trong nước tạo ra; cơ chế nghiên cứu, tiếp cận, mua các bí mật công nghệ, học hỏi, sao chép các công nghệ tiên tiến của nước ngoài.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

3.1. Đề xuất nội dung phù hợp với tình hình, điều kiện, thế mạnh của tỉnh để tham gia vào Chương trình phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược quốc gia (các lĩnh vực năng lượng, môi trường, công nghệ sinh học, trí tuệ nhân tạo, vật liệu tiên tiến).

3.2. Tiếp tục thúc đẩy phát triển mạnh mẽ hạ tầng năng lượng mới, năng lượng sạch của tỉnh để góp phần bảo đảm an ninh năng lượng cho phát triển khoa học, công nghệ, các ngành công nghiệp chiến lược.

3.3. Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ, hiện đại về kỹ thuật và công nghệ tại các khu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh, kết nối với các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo của các địa phương khác trong cả nước; tập trung vào các công nghệ chiến lược, thế mạnh của tỉnh và chuyển đổi số. Tạo điều kiện và thực hiện đạt hiệu quả cao cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp đầu tư, xây dựng các phòng thí nghiệm, nghiên cứu tại doanh nghiệp.

3.4. Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ số; rà soát các nghị quyết, chương trình, kế hoạch và cơ chế, chính sách tỉnh đã ban hành để cập nhật, hoàn thiện theo các chính sách của Trung ương về khuyến khích đầu tư, mua, thuê các sản phẩm, dịch vụ số; chính sách đặc biệt để đào tạo, phát triển, thu hút tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong và ngoài nước hoạt động lĩnh vực chuyển đổi số, phát triển sản phẩm công nghệ số, công nghiệp an ninh mạng. Xây dựng kế hoạch của tỉnh trong khi dùng chung các nền tảng số quốc gia, vùng bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số. Thúc đẩy hệ sinh thái kinh tế số trên các lĩnh vực.

3.5. Thực hiện cơ chế hợp tác công tư để phát triển hạ tầng số hiện đại, trong đó nguồn lực nhà nước là chủ yếu. Phát triển hạ tầng viễn thông, internet đáp ứng yêu cầu dự phòng, kết nối, an toàn, bền vững, hệ thống truyền dẫn dữ liệu qua vệ tinh, mạng cáp quang băng thông rộng tốc độ cao, mạng thông tin di động 5G, 6G và các thế hệ tiếp theo. Phát triển hạ tầng vật lý số, hạ tầng tiện ích số; tích hợp cảm biến, ứng dụng công nghệ số vào hạ tầng thiết yếu; phát triển ngành công nghiệp IoT, xây dựng một số cụm công nghiệp IoT di động.

3.6. Triển khai tại tỉnh các cơ chế, chính sách của Trung ương về hỗ trợ các doanh nghiệp trong nước đầu tư, xây dựng trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây. Xây dựng, phát huy hiệu quả dữ liệu của tỉnh bảo đảm liên thông, tích hợp, chia sẻ. Tranh thủ thời cơ tham gia vào ngành công nghiệp dữ liệu lớn của Việt Nam. Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn đối với các ngành, lĩnh vực quan trọng của tỉnh.

4. Phát triển, bố trí đủ nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

4.1. Tăng cường đầu tư, đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, bảo đảm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của tỉnh. Lựa chọn, đề cử học sinh, sinh viên giỏi của tỉnh theo học các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hoá học, kỹ thuật và công nghệ then chốt, nhất là ở các trình độ sau đại học theo các cơ chế, chính sách về tín dụng, học bổng và học phí của Trung ương.

4.2. Rà soát, đánh giá lại các chính sách thu hút, tuyển dụng và đãi ngộ nhân lực của tỉnh và cập nhật các cơ chế chính sách mới của Trung ương để hoàn thiện nhằm thu hút chuyên gia, nhà khoa học giỏi, nhân lực chuyên môn về chuyển đổi số, lực lượng chuyên trách bảo đảm an toàn, an ninh mạng làm việc tại các cơ quan nhà nước, bảo đảm đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp theo đặc thù của tỉnh.

4.3. Tập trung nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Chương trình hành động số 63-CTr/TU ngày 26/6/2024 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 45-NQ/TW, ngày 24/11/2023 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới; các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển nguồn nhân lực đã được phê duyệt, tập trung vào nhân lực phục vụ phát triển công nghệ cao, công nghệ chiến lược.

4.4. Thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng cường giáo dục và hướng nghiệp STEM, thu hút học sinh giỏi theo học các ngành STEM; xây dựng và triển khai các chính sách phát hiện và bồi dưỡng học sinh, sinh viên giỏi ở các lĩnh vực toán học, vật lý, sinh học, hóa học, kỹ thuật và công nghệ; quy hoạch và đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống trường chuyên về khoa học tự nhiên.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

5.1. Chủ động chuẩn bị trước một bước về đầu tư hạ tầng kỹ thuật, nhân lực để chủ động, sẵn sàng triển khai thực hiện ngay kế hoạch và lộ trình đưa toàn bộ hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị lên môi trường số, bảo đảm liên thông, đồng bộ, bí mật nhà nước sau khi Trung ương có hướng dẫn; phát triển hệ thống giám sát, điều hành thông minh, nâng cao hiệu quả các trung tâm IOC nhằm tăng cường quản lý công; đổi mới toàn diện việc giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công không phụ thuộc địa giới hành chính; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp, hướng tới cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn tỉnh, cá nhân hóa và dựa trên dữ liệu; tăng cường giám sát, đánh giá và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền trong phục vụ Nhân dân. Nghiên cứu các quy định của Trung ương để ban hành chính sách đặc thù của tỉnh thu hút, tuyển dụng, giữ chân nhân lực về khoa học, công nghệ và chuyển đổi số làm việc trong các cơ quan của hệ thống chính trị.

5.2. Phát triển các nền tảng số an toàn và tăng cường ứng dụng công nghệ số, hình thành công dân số; xây dựng xã hội số an toàn, lành mạnh; thúc đẩy phát triển văn hóa số bảo đảm giữ gìn bản sắc dân tộc, thực hiện tốt quy tắc ứng xử trên không gian mạng, giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghệ số đối với xã hội; xây dựng nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực sử dụng đất, tài nguyên, môi trường của tỉnh.

5.3. Bảo đảm an toàn, an ninh mạng và chủ quyền quốc gia trên nền tảng số và không gian mạng; an ninh, an toàn dữ liệu hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp và chủ quyền an ninh dữ liệu quốc gia. Từng bước ứng dụng công nghệ số trong chỉ huy, điều hành tác chiến của lực lượng vũ trang cũng như làm chủ công nghệ cao trong hoạt động quốc phòng, an ninh; ngăn chặn hiệu quả tội phạm lĩnh vực chuyển đổi số, phòng, chống lừa đảo trực tuyến; xây dựng và phát huy sức mạnh thể trận lòng dân trên không gian mạng để bảo vệ Tổ quốc.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

6.1. Rà soát, đánh giá tác động của việc thực hiện các chính sách trong thời gian qua của tỉnh về ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư cho chuyển đổi số, nghiên cứu, ứng dụng khoa học, đổi mới công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, quản trị doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ khởi nghiệp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, từ đó nghiên cứu hoàn thiện, bảo đảm các chính sách phải dễ dàng tiếp cận, có tác động thực sự tích cực đối với doanh nghiệp.

6.2. Nghiên cứu xây dựng các chính sách về đẩy mạnh chuyển giao tri thức, đào tạo nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thông qua doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số; cơ chế ưu đãi về đất đai, tín dụng, thuế trong nghiên cứu, thử nghiệm, ứng dụng, phát triển, sản xuất sản phẩm, dịch vụ công nghệ số. Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

6.3. Quan tâm thực hiện ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong phát triển, quản lý và vận hành các khu công nghiệp; triển khai thực hiện hiệu quả Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024 (có hiệu lực từ ngày 01/7/2025), Đề án 06, Chương trình chuyển đổi số quốc gia và các quy định liên quan nhằm xây dựng khu công nghiệp thông minh, hiện đại, sử dụng công nghệ xanh và tiết kiệm năng lượng, tăng hiệu quả sản xuất, giảm ô nhiễm môi trường và nâng cao năng lực, hiệu lực quản lý, vận hành khu công nghiệp. Xây dựng lộ trình áp dụng công nghệ và chuyển đổi số cho khu công nghiệp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và yêu cầu phát triển chung của quốc gia, vùng, khu vực.

6.4. Đẩy mạnh tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số; đẩy mạnh sản xuất thông minh trong các ngành, lĩnh vực: Nông nghiệp, thương mại, tài chính, giáo dục, y tế, giao thông, logistics.

7. Tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

7.1. Nắm bắt thông tin, chủ động đề xuất tham gia các chương trình hợp tác quốc tế của các Bộ, ngành Trung ương về nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các quốc gia có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học, năng lượng nguyên tử và các công nghệ chiến lược khác; tiếp nhận, kế thừa và phát huy thành tựu, kết quả ứng dụng công nghệ chiến lược của quốc gia, hợp tác để vận dụng phù hợp với đặc điểm và tình hình thực tế của tỉnh nhằm phát huy lợi thế, tránh đầu tư dàn trải.

7.2. Đẩy mạnh hợp tác với các tỉnh, khu vực có trình độ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, công nghệ sinh học và các công nghệ chiến lược khác; học tập kinh nghiệm, kịp thời ứng dụng các thành tựu, kinh nghiệm của các tỉnh vào thực tiễn của tỉnh.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, tổ chức đảng các cấp tổ chức phổ biến, quán triệt, tuyên truyền nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và Chương trình hành động của

Ban Thường vụ Tỉnh ủy tới cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân; đồng thời căn cứ chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này.

2. Đảng ủy Các cơ quan Đảng tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách có liên quan nhằm tạo điều kiện thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động đề ra. Đồng thời, chỉ đạo tăng cường công tác theo dõi, giám sát việc triển khai thực hiện.

3. Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh: Xây dựng kế hoạch cụ thể, ưu tiên bố trí nguồn lực tài chính để thực hiện; chỉ đạo rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các chính sách có liên quan; chỉ đạo các sở, ngành, địa phương xây dựng kế hoạch thực hiện hiệu quả Chương trình hành động này. Hằng năm, 3 năm và 5 năm báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả triển khai thực hiện; thường xuyên chỉ đạo, giám sát, kiểm tra, đôn đốc, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu đề ra.

4. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện; tuyên truyền, quán triệt, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân tích cực tham gia thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này; đồng thời, phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội đối với việc xây dựng các chủ trương, chính sách về phát triển khoa học, công nghệ sinh học và quá trình thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị, Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

5. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức quán triệt, hướng dẫn tuyên truyền các nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Chương trình hành động này./.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị,
- Ban Bí thư Trung ương Đảng,
- Văn phòng Trung ương Đảng (HN+T78),
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương,
- Bộ Khoa học và Công nghệ,
- Các Ban Đảng Tỉnh ủy,
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh,
- Các sở, ban, ngành tỉnh,
- Các huyện, thị, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Các đ/c TUV, UVUBKT Tỉnh ủy,
- Lãnh đạo VPTU, phòng TH,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

Tôn Ngọc Hạnh